

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 30 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 được đơn vị kiểm toán soát xét.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Huỳnh Trí Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300423479 ngày 12/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 30/12/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
Ông Lê Văn Bắc	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên	
Ông Lê Tấn Cường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2023)
Ông Hoàng Thiệp Anh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban	
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 290323.002/BCTC.KT1 ngày 29 tháng 03 năm 2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,57 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2023, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhưng vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ" đến các dữ liệu tương ứng, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, Công ty đang ghi nhận giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" với tổng số tiền là 9,376 tỷ đồng và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.
- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Quỹ tiền lương người lao động và người quản lý năm 2022 của Công ty đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và đang chờ phê duyệt từ cơ quan có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

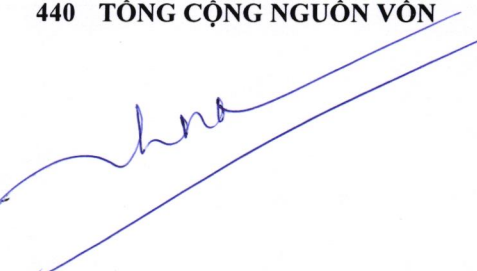
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		459.619.012.803	487.343.956.158
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	160.732.275.157	90.365.558.663
111 1. Tiền		55.732.275.157	90.365.558.663
112 2. Các khoản tương đương tiền		105.000.000.000	-
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	110.000.000.000	121.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	110.000.000.000	121.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.846.925.423	167.435.493.095
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.044.402.769	133.269.802.247
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	734.275.985	397.501.346
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	37.068.246.669	33.768.189.502
140 IV. Hàng tồn kho	8	89.846.757.016	106.160.802.938
141 1. Hàng tồn kho		93.163.940.629	109.477.986.551
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.317.183.613)	(3.317.183.613)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		3.193.055.207	2.382.101.462
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	141.148.926	1.021.896.572
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	3.051.906.281	1.360.204.890
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.781.763.845	46.620.067.633
220 II. Tài sản cố định		15.733.153.511	16.232.676.733
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.733.153.511	16.232.676.733
222 - Nguyên giá		76.852.571.891	76.704.571.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(61.119.418.380)	(60.471.895.158)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		26.048.610.334	30.387.390.900
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	26.048.610.334	30.387.390.900
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		501.400.776.648	533.964.023.791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		197.504.860.913	225.069.584.941
310 I. Nợ ngắn hạn		197.504.860.913	225.069.584.941
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	106.794.682.698	147.639.264.406
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	15.725.799.611	34.336.158.832
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.360.055.555	856.021.968
314 4. Phải trả người lao động		20.477.165.294	12.956.077.501
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.001.724.691	884.321.677
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	28.256.410.613	17.224.081.052
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.889.022.451	11.173.659.505
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		303.895.915.735	308.894.438.850
410 I. Vốn chủ sở hữu	16	303.548.311.731	308.546.834.846
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		3.461.711.000	1.797.845.000
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.086.600.731	22.748.989.846
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	831.674.971
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		16.086.600.731	21.917.314.875
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		347.604.004	347.604.004
431 1. Nguồn kinh phí	17	347.604.004	347.604.004
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		501.400.776.648	533.964.023.791


Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023


Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng


Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	270.978.371.318	161.937.992.027
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		270.978.371.318	161.937.992.027
11	3. Giá vốn hàng bán	20	217.845.137.401	110.310.987.815
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.133.233.917	51.627.004.212
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.696.602.031	3.242.147.273
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	38.730.332.458	33.545.860.252
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.099.503.490	21.323.291.233
31	8. Thu nhập khác		355.745.599	659.341.608
32	9. Chi phí khác	23	214.570.100	2.755.756.619
40	10. Lợi nhuận khác		141.175.499	(2.096.415.011)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.240.678.989	19.226.876.222
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.154.078.258	4.319.366.168
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>16.086.600.731</u>	<u>14.907.510.054</u>
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	566	379

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		334.897.134.286	236.893.655.146
02 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(206.121.955.501)	(131.240.293.643)
03 3. Tiền chi trả cho người lao động		(53.070.057.050)	(75.030.317.621)
06 4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.795.888.312	215.803.732
07 5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.567.942.240)	(27.359.235.377)
20 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		54.933.067.807	3.479.612.237
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23 1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.000.000.000)	(65.000.000.000)
24 2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		101.000.000.000	60.000.000.000
27 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.478.944.497	2.947.571.931
30 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		15.478.944.497	(2.052.428.069)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45.295.810)	(24.504.870)
40 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(45.295.810)	(24.504.870)
50 <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		70.366.716.494	1.402.679.298
60 <i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>		90.365.558.663	176.305.299.271
70 <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>		160.732.275.157	177.707.978.569

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300423479 ngày 12/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 30/12/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 396 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 389 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử;
- Thi công xây lắp mới hệ thống: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty phát sinh thêm một số gói thầu duy tu hệ thống chiếu sáng và xây lắp so với cùng kỳ năm trước. Điều này dẫn đến doanh thu trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do giá vốn hoạt động xây lắp tương đối cao, đồng thời chi phí nguyên vật liệu, vật tư đầu vào trong kỳ tăng đáng kể dẫn đến giá vốn tăng mạnh hơn tỷ lệ tăng doanh thu. Do đó, lợi nhuận của Công ty vẫn duy trì tương tự cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	16.736.577	77.684.600
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.715.538.580	90.287.874.063
Các khoản tương đương tiền (i)	105.000.000.000	-
	<u>160.732.275.157</u>	<u>90.365.558.663</u>

(i) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,7%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	110.000.000.000	-	121.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	110.000.000.000	-	121.000.000.000	-
	<u>110.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>121.000.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 6,8%/năm đến 9%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	8.836.402.285	-	8.836.402.285	-
- Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	7.614.501.869	-	7.614.501.869	-
- Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	3.703.107.052	-	21.539.535.246	-
- Trung tâm Quản lý Hạ tầng Giao thông đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh	13.312.610.881	-	24.832.688.827	-
- Ban Quản lý Dự án Nâng cấp Đô thị Thành phố Tân An	10.392.027.000	-	46.563.446.000	-
- Các đối tượng khác	14.185.753.682	-	23.883.228.020	-
	<u>58.044.402.769</u>	<u>-</u>	<u>133.269.802.247</u>	<u>-</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290.161.800	-	290.161.800	-
- Các đối tượng khác	444.114.185	-	107.339.546	-
	<u>734.275.985</u>	<u>-</u>	<u>397.501.346</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, chờ quyết toán	23.529.881.353	-	21.835.815.487	-
- Dự thu lãi tiền gửi	2.579.000.001	-	1.361.342.467	-
- Giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (i)	9.376.412.542	-	8.997.051.542	-
- Phải thu về lợi nhuận nộp thừa	808.698.388	-	808.698.388	-
- Tạm ứng	-	-	150.000.000	-
- Phải thu khác	774.254.385	-	615.281.618	-
	37.068.246.669	-	33.768.189.502	-

(i) Các khoản điều chỉnh doanh thu theo quyết toán được các chủ đầu tư phê duyệt của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước cổ phần hóa và giá vốn tương ứng của các công trình này. Phần lợi nhuận điều chỉnh này phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty theo dõi các khoản điều chỉnh này trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.

b) Chi tiết theo đối tượng

<i>Bên liên quan</i>	808.698.388	-	808.698.388	-
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	808.698.388	-	808.698.388	-
<i>Bên khác</i>	36.259.548.281	-	32.959.491.114	-
- Ông Hồ Thanh Phương	-	-	150.000.000	-
- Khu quản lý Giao thông Đô thị số 1	4.149.423.413	-	4.149.423.413	-
- Khu quản lý Giao thông Đô thị số 2	2.543.150.585	-	2.543.150.585	-
- Khu quản lý Giao thông Đô thị số 3	5.874.766.971	-	5.874.766.971	-
- Khu quản lý Giao thông Đô thị số 4	5.080.669.815	-	5.080.669.815	-
- Trung tâm Quản lý Hạ tầng Giao thông Đường bộ	2.797.947.450	-	2.170.635.988	-
- Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị	2.181.261.496	-	1.987.168.715	-
- Các đối tượng khác	13.632.328.551	-	11.003.675.627	-
	37.068.246.669	-	33.768.189.502	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.764.670.975	(3.317.183.613)	24.264.842.204	(3.317.183.613)
Công cụ, dụng cụ	89.223.600	-	174.359.600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.204.682.650	-	84.933.421.343	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 1, 3, 5, 8, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh	3.143.836.181	-	1.739.418.374	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 2, 4, 7, 9, Thủ Đức và các huyện Nhà Bè, Cần Giờ	-	-	4.947.682.673	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 4, 7 và các huyện Nhà Bè, Cần Giờ (2023 - 2026)	4.714.434.029	-	-	-
- Sửa chữa và nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vỹ) địa điểm Huyện Hóc Môn	2.988.764.672	-	2.811.578.098	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên các tuyến quốc lộ tỉnh Đồng Nai	8.099.431.283	-	8.093.591.111	-
- Thi công Gói thầu số 06 - Dự án Công trình chiếu sáng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	35.987.752.653	-	58.794.303.038	-
- Các công trình khác	14.270.463.832	-	8.546.848.049	-
Thành phẩm	105.363.404	-	105.363.404	-
	93.163.940.629	(3.317.183.613)	109.477.986.551	(3.317.183.613)

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	33.905.931.917	3.032.089.900	36.731.222.029	3.035.328.045	76.704.571.891
- Mua trong kỳ	-	-	-	148.000.000	148.000.000
Số dư cuối kỳ	33.905.931.917	3.032.089.900	36.731.222.029	3.183.328.045	76.852.571.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	17.907.375.679	2.976.288.185	36.731.222.029	2.857.009.265	60.471.895.158
- Khấu hao trong kỳ	568.077.920	15.554.432	-	63.890.870	647.523.222
Số dư cuối kỳ	18.475.453.599	2.991.842.617	36.731.222.029	2.920.900.135	61.119.418.380
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	15.998.556.238	55.801.715	-	178.318.780	16.232.676.733
Tại ngày cuối kỳ	15.430.478.318	40.247.283	-	262.427.910	15.733.153.511

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 47.947.993.722 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	962.970.909
Chi phí thuê máy chủ ảo và lưu trữ trực tuyến	92.409.750	32.969.250
Các khoản khác	48.739.176	25.956.413
	141.148.926	1.021.896.572
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	26.025.900.405	30.363.550.471
Các khoản khác	22.709.929	23.840.429
	26.048.610.334	30.387.390.900

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	25.786.893.000	25.786.893.000	9.055.090.470	9.055.090.470
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại NHB	6.501.662.200	6.501.662.200	12.512.805.250	12.512.805.250
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	14.976.692.858	14.976.692.858	47.854.626.193	47.854.626.193
- Công ty TNHH KEN DO	28.068.027.118	28.068.027.118	45.460.683.769	45.460.683.769
- Các đối tượng khác	31.461.407.522	31.461.407.522	32.756.058.724	32.756.058.724
	106.794.682.698	106.794.682.698	147.639.264.406	147.639.264.406

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
- Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	11.380.214.411	29.990.573.632
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	4.128.086.000	4.128.086.000
- Các đối tượng khác	217.499.200	217.499.200
	15.725.799.611	34.336.158.832

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	856.021.968	3.428.119.106	5.929.248.409	1.645.107.335	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	794.022.703	-	4.154.078.258	-	-	3.360.055.555
Thuế thu nhập cá nhân	566.182.187	-	1.788.795.181	2.629.411.940	1.406.798.946	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	267.500.179	267.500.179	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	1.360.204.890	856.021.968	9.643.492.724	8.831.160.528	3.051.906.281	3.360.055.555

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.773.903.834	694.038.232
Trích trước chi phí tiền thuê đất	-	84.767.155
Chi phí phải trả khác	227.820.857	105.516.290
	4.001.724.691	884.321.677

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Thặng dư vốn cổ phần phải nộp Nhà nước (i)	10.785.667.820	10.785.667.820
- Phải trả tiền thuế TNCN	3.923.462.338	5.684.034.087
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.024.309.885	289.605.695
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	522.970.570	464.773.450
	28.256.410.613	17.224.081.052

(i) Thặng dư vốn cổ phần phải nộp về ngân sách Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV đề cập trong Biên bản kiểm toán ngày 01/06/2018.

b) Chi tiết theo đối tượng

Bên khác

- Các cổ đông của Công ty	13.024.309.885	289.605.695
- Các đối tượng khác	15.232.100.728	16.934.475.357
	28.256.410.613	17.224.081.052

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	284.000.000.000	1.797.845.000	15.189.268.234	300.987.113.234
Lãi trong kỳ trước	-	-	14.907.510.054	14.907.510.054
Phân phối lợi nhuận	-	-	(15.189.268.234)	(15.189.268.234)
Số dư cuối kỳ trước	284.000.000.000	1.797.845.000	14.907.510.054	300.705.355.054
Số dư đầu kỳ này	284.000.000.000	1.797.845.000	22.748.989.846	308.546.834.846
Lãi trong kỳ này	-	-	16.086.600.731	16.086.600.731
Phân phối lợi nhuận	-	1.663.866.000	(9.968.989.846)	(8.305.123.846)
Chia cổ tức năm 2022 (i)	-	-	(12.780.000.000)	(12.780.000.000)
Số dư cuối kỳ này	284.000.000.000	3.461.711.000	16.086.600.731	303.548.311.731

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số trích theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ VND	Số đã tạm trích trong năm 2022 VND	Số trích bổ sung trong kỳ này VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2021 còn giữ lại	831.674.971		
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	33.277.314.875		
Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối	34.108.989.846		
Phân phối lợi nhuận			
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.663.866.000	-	1.663.866.000
- Chi trả cổ tức 8,5% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 850 VND)	24.140.000.000	11.360.000.000	12.780.000.000
- Trích quỹ khen thưởng	4.312.125.423	-	4.312.125.423
- Trích quỹ phúc lợi	3.614.998.423	-	3.614.998.423
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	378.000.000	-	378.000.000
	34.108.989.846	11.360.000.000	22.748.989.846
Lợi nhuận sau thuế còn giữ lại	-		

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023 VND	Tỷ lệ %	01/01/2023 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Ông Nguyễn Thành Đức	15.063.000.000	5,30	15.063.000.000	5,30
Các cổ đông khác	27.537.000.000	9,70	27.537.000.000	9,70
	284.000.000.000	100,00	284.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	289.605.695	629.263.885
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	12.780.000.000	12.780.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.780.000.000	12.780.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	45.295.810	24.504.870
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	45.295.810	24.504.870
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ	13.024.309.885	13.384.759.015

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.461.711.000	1.797.845.000
	<u>3.461.711.000</u>	<u>1.797.845.000</u>

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	347.604.004	347.604.004
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	<u>347.604.004</u>	<u>347.604.004</u>

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

18 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường 4, 13 và 14 thuộc quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 913,9 m², thời hạn thuê đến năm 2046); phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 1.389,7 m², thời hạn thuê đến năm 2059); phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.425,8 m², thời hạn thuê đến năm 2060); xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.500 m², thời hạn thuê đến năm 2064) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động duy tu	213.179.314.670	149.715.653.832
Doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp	57.640.424.882	11.917.864.301
Doanh thu khác	158.631.766	304.473.894
	<u>270.978.371.318</u>	<u>161.937.992.027</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động duy tu	165.205.919.742	97.232.105.706
Giá vốn hoạt động xây lắp	52.430.865.839	12.811.618.167
Giá vốn của dịch vụ khác	208.351.820	267.263.942
	<u>217.845.137.401</u>	<u>110.310.987.815</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	5.696.602.031	3.242.147.273
	<u>5.696.602.031</u>	<u>3.242.147.273</u>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.193.672.403	1.255.391.435
Chi phí nhân công	17.865.962.891	14.158.600.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	630.598.420	614.265.086
Thuế, phí và lệ phí	299.653.627	1.826.420.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.544.777.974	7.253.170.003
Chi phí khác bằng tiền	7.195.667.143	8.438.012.751
	<u>38.730.332.458</u>	<u>33.545.860.252</u>

23 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	-	2.153.954.619
Các khoản khác	214.570.100	601.802.000
	<u>214.570.100</u>	<u>2.755.756.619</u>

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.240.678.989	19.226.876.222
Các khoản điều chỉnh tăng	216.000.000	2.369.954.619
- <i>Thù lao cán bộ quản lý không chuyên trách</i>	216.000.000	216.000.000
- <i>Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT</i>	-	2.153.954.619
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.456.678.989	21.596.830.841
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>4.091.335.798</u>	<u>4.319.366.168</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	62.742.460	-
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(794.022.703)	(2.258.308.819)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>3.360.055.555</u>	<u>2.061.057.349</u>

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	16.086.600.731	14.907.510.054
Các khoản điều chỉnh:	-	(4.152.561.923)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (i)</i>	-	(4.152.561.923)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	16.086.600.731	10.754.948.131
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.400.000	28.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	566	379

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2023, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Quỹ khen thưởng người quản lý theo tháng lương bình quân của người lao động và người quản lý chuyên trách dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2023. Theo đó, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa thể dự tính được số tiền trích lập các quỹ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2022 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.667.278.899	87.263.693.136
Chi phí nhân công	69.958.228.116	52.660.317.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.523.222	627.398.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.037.835.909	18.121.860.711
Chi phí khác bằng tiền	7.535.865.020	10.279.527.942
	240.846.731.166	168.952.797.270

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường về biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và tương đương tiền	160.715.538.580	-	-	160.715.538.580
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.112.649.438	-	-	95.112.649.438
Các khoản cho vay	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000
	<u>365.828.188.018</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>365.828.188.018</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và tương đương tiền	90.287.874.063	-	-	90.287.874.063
Phải thu khách hàng, phải thu khác	167.037.991.749	-	-	167.037.991.749
Các khoản cho vay	121.000.000.000	-	-	121.000.000.000
	<u>378.325.865.812</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>378.325.865.812</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	135.051.093.311	-	-	135.051.093.311
Chi phí phải trả	4.001.724.691	-	-	4.001.724.691
	<u>139.052.818.002</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>139.052.818.002</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	164.863.345.458	-	-	164.863.345.458
Chi phí phải trả	884.321.677	-	-	884.321.677
	<u>165.747.667.135</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>165.747.667.135</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN KHÁC

- Trong năm 2020, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII đã phát hành Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Quỹ tiền lương người lao động và người quản lý năm 2022 đang được Công ty ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và đang chờ phê duyệt từ cơ quan có thẩm quyền.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch và/hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông lớn
- Ông Nguyễn Thành Đức	Cổ đông lớn
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
1	Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc	201.200.000	285.700.000
2	Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	191.200.000	248.700.000
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	191.200.000	248.700.000
4	Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc	191.200.000	248.700.000
5	Bà Nguyễn Thị Xuân Đông	Kế toán trưởng	191.200.000	248.700.000
Tổng			<u>966.000.000</u>	<u>1.280.500.000</u>

Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
1	Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch	211.200.000	233.100.000
2	Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên	-	27.000.000
3	Ông Lê Văn Bắc (Bổ nhiệm ngày 28/02/2023)	Thành viên	-	-
4	Ông Hoàng Thiện Anh (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)	Thành viên	-	-
5	Ông Nguyễn Đình Thọ (Miễn nhiệm ngày 28/02/2023)	Thành viên	-	15.000.000
6	Ông Lê Tấn Cường (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)	Thành viên	-	-
Tổng			211.200.000	275.100.000

Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
1	Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban	191.200.000	248.700.000
2	Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên	-	13.000.000
3	Bà Lê Thị Ngọc Anh (Bổ nhiệm ngày 28/02/2023)	Thành viên	-	-
4	Ông Trần Nam Trung (Miễn nhiệm ngày 28/02/2023)	Thành viên	-	13.000.000
Tổng			191.200.000	274.700.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.


31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.


Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023


Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng


Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



Số: 766 /CTCSCC

TPHCM, ngày 14 tháng 8 năm 2023

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính
soát xét bán niên năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 14 tháng 08 năm 2023, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

- Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 290323.002/BCTC.KT1 ngày 29 tháng 3 năm 2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,57 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2023, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhưng vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Thực hiện theo quy định, hàng năm Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng khách hàng. Tính đến 31/12/2023 vẫn có 01 số khách hàng chưa xác nhận công nợ dù Công ty đã tích cực đề nghị. Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các khách hàng về vấn đề này.

2. Ý kiến nhấn mạnh:

- “Nhu Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, Công ty đang ghi nhận giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” với tổng số tiền 9,376 tỷ đồng và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.
- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền”



- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Quỹ tiền lương người lao động và người quản lý năm 2022 của Công ty đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và đang chờ phê duyệt từ cơ quan có thẩm quyền.

Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Tính đến 30/06/2023, Công ty chúng tôi đã nhận được thông báo phê duyệt quyết toán của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016), theo đó kết quả phê duyệt quyết toán có điều chỉnh tăng, giảm doanh thu. Công ty tạm ghi nhận các khoản này trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Đối với Quỹ tiền lương người lao động và người quản lý năm 2022, Công ty đang chờ phê duyệt từ cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp giá trị phê duyệt có thay đổi so với giá trị đã ghi nhận trong Báo cáo tài chính này, Công ty chúng tôi sẽ tiến hành điều chỉnh và báo cáo theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Huỳnh Trí Dũng

